**MỘT SỐ CĂN DẶN VỚI HỌC SINH VÀ PHỤ HUYNH**

**\* ĐỐI VỚI HỌC SINH**

1/ Phần **nội dung bài học các em chép vào tập** ghi trên lớp còn phần **bài tập củng cố hoặc bài tập bổ sung các em làm vào vở bài tập.**

2/ Khi học bài các em cần **xem và đọc nội dung bài học, câu hỏi trong SGK**.

3/ Hàng ngày, các em đều **phải học ít nhất là 1 bài mới và làm bài tập** đầy đủ. Nếu có thắc mắc, không hiểu bài các em có **thể liên hệ với giáo viên bộ môn** để nhờ giải đáp.

4/ Đề cương các em **phải bảo quản cẩn thận** để khi đi học lại sử dụng ôn thi cuối năm.

**\* ĐỐI VỚI PHỤ HUYNH**

1/ Phụ huynh cấn phối hợp chặt chẽ với nhà trường, GVCN, GVBM để báo cáo tình hình học tập và làm bài của các em.

2/ Phụ huynh thường xuyên nhắc nhở các em học bài, làm bài tập và chép bài đầy đủ.

3/ Mọi thắc mắc về bài học phụ huynh liên hệ ngay với GVBM hoặc GVCN để được hỗ trợ.

**MÔN ĐỊA LÍ**

***Lưu ý học ở nhà:***

* *Các em chép nội dung bài học vào vở học trên lớp.*
* *Bài tập làm ra một cuốn vở riêng có ghi rõ họ tên, lớp. Bài tập của mỗi bài đều lấy điểm miệng. Riêng bài tập của bài* ***ôn tập*** *lấy điểm 15 phút cũng làm chung trong 1 cuốn vở. Sau này có thông báo sẽ nộp cuốn vở bài tập cho Giáo viên chấm điểm. Bạn nào không nộp vở hay nộp trễ xem như 0đ.*
* *Trong quá trình làm bài tập, các em nghiên cứu, đọc thêm trong sách giáo khoa và các tài liệu liên quan trên Internet.*

*CHƯƠNG TRÌNH HỌC KÌ II ĐỊA LÍ 8*

**PHẦN 2: ĐỊA LÝ VIỆT NAM**

**Bài 22. VIỆT NAM, ĐẤT NƯỚC - CON NGƯỜI**

**NỘI DUNG BÀI HỌC:**

**1. Việt Nam trên bản đồ thế giới**

- Việt Nam là một quốc gia độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, các hải đảo, vùng biển và vùng trời.

- Việt Nam gắn liền với lục địa Á-Âu, nằm ở phía đông bán đảo Đông Dương và nằm gần trung tâm Đông Nam Á.

- Phía Bắc giáp Trung Quốc, phía Tây giáp Lào và Cam-pu-chia, phía Đông giáp Biển Đông.

- Là một trong những quốc gia mang đạm bản sắc thiên nhiên, văn hóa, lịch sử của khu vực Đông Nam Á:

+ Thiên nhiên: mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

+ Văn hóa: có nền văn minh lúa nước; tôn giáo, nghệ thuật, kiến trúc và ngôn ngữ gắn bó với các nước trong khu vực.

+ Lịch sử: là lá cờ đầu trong khu vực về chống thực dân Pháp, phát xít Nhật và đế quốc Mỹ, giành độc lập dân tộc.

- Là thành viên của ASEAN từ năm 1995. Việt Nam tích cực góp phần xây dựng ASEAN ổn định, tiến bộ, thịnh vượng.

**2.Việt Nam trên con đường xây dựng và phát triển**

- Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng Sản Việt Nam đất nước ta đang có những đổi mới to lớn và sâu sắc.

- Phấn đấu đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp phát triển theo hướng hiện đại.

**3. Học địa lí Việt Nam như thế nào?**

- Ngoài đọc, hiểu và làm bài tập trong SGK, HS cần sưu tầm và tìm hiểu thêm bên ngoài.

**BÀI TẬP**

Câu 1: Sưu tầm 5 câu ca dao hoặc tục ngữ; 1 bài thơ và 1 bài hát ngợi ca về đất nước ta.

**Bài 23. VỊ TRÍ, GIỚI HẠN, HÌNH DẠNG  
 LÃNH THỔ VIỆT NAM**

***NỘI DUNG BÀI HỌC:***

**1. Vị trí và giới hạn lãnh thổ**

- Các điểm cực Bắc, Nam, Đông, Tây phần đất liền:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Điểm cực | Địa danh hành chính | Vĩ độ | Kinh độ |
| Bắc | Xã Lũng Cú – Đồng Văn- Hà Giang | 23023’B | 105020’B |
| Nam | Xã Đất Mũi – Ngọc Hiển – Cà Mau | 8034’B | 104040’B |
| Tây | Xã Sín Thầu – Mường Nhé – Điện Biên | 22022’B | 102009’B |
| Đông | Xã Vạn Thạnh – Vạn Ninh – Khánh Hòa | 12040’B | 109024’B |

- Phạm vi gồm cả phần đất liền (diện tích 331.212 km2) và phần biển (khoảng 1 triệu km2).

\* Ý nghĩa:

- Nước ta nằm trong miền nhiệt đới gió mùa 🡪 thiên nhiên đa dạng, phong phú, nhưng cũng gặp không ít thiên tai (bão, lụt, hạn...).

- Nằm gần trung tâm Đông Nam Á 🡪 thuận lợi trong việc giao lưu và hợp tác phát triển kinh tế - xã hội.

**2. Đặc điểm lãnh thổ**

- Kéo dài theo chiều Bắc – Nam (1650 km), đường bờ biển hình chữ S dài 3260km, đường biên giới trên đất liền dài trên 4600km.

- Phần Biển Đông thuộc chủ quyền Việt Nam mở rất rộng về phía đông và đông nam, có nhiều đảo và quần đảo.

- Biển Đông có ý nghĩa chiến lược đối với nước ta cả về mặt an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế.

***BÀI TẬP:***

**Câu 1: Hoàn thành bảng sau:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Điểm cực** | **Địa danh hành chính** | **Vĩ độ** | **Kinh độ** |
| Bắc | . . . huyện Đồng Văn . . . | . . . | 105020'Đ |
| Nam | . . . | 8034'B | . . . |
| Tây | Xã Xín Thầu . . . | . . . | 102010'Đ |
| Đông | . . . ……….tỉnh Khánh Hoà | . . . | . . . |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu 2. Chọn các số liệu và các yếu tố ở 2 cột trong bảng sau cho phù hợp** | | |
| **Các yếu tố** | **Kết quả** | **Số liệu** |
| 1. Diện tích đất TN của nước ta (km2) | 1 - | a. 50 |
| 2. Chiều dài bờ biển (km) | 2 - | b. 4550 |
| 3. Diện tích phần biển (km2) | 3 - | c. 3260 |
| 4. Chiều dài đường biên giới quốc gia trên đất liền (km) | 4 - | d. 100.000 |
| 5. Nơi hẹp nhất theo chiều Tây - Đông (km) | 5 - | e. 329.247 |

**Bài 24. VÙNG BIỂN VIỆT NAM**

***NỘI DUNG BÀI HỌC:***

**1. Đặc điểm chung của vùng biển Việt Nam**

- Biển Đông là một biển lớn với diện tích khoảng 3.447.000 km2, tương đối kín, nằm trải rộng từ Xích đạo tới chí tuyến Bắc.

- Vùng biển Việt Nam là một bộ phận của Biển Đông, diện tích khoảng 1 triệu km2.

- Đặc điểm của biển Đông và vùng biển nước ta:

+ Biển nóng quanh năm.

+ Chế độ gió, nhiệt của biển và hướng chảy của các dòng biển thay đổi theo mùa.

+ Chế độ triều phức tạp.

**2. Tài nguyên và bảo vệ môi trường biển Việt Nam**

- Nguồn tài nguyên biển phong phú, đa dạng (thủy sản, khoáng sản – nhất là dầu mỏ và khí đốt, muối, du lịch – có nhiều bãi biển đẹp,...)

- Một số thiên tai thường xảy ra trên vùng biển nước ta (mưa, bão, sóng lớn, triều cường).

- Vấn đề ô nhiễm nước biển, suy giảm nguồn hải sản; vấn đề khai thác hợp lí, bảo vệ môi trường biển.

***BÀI TẬP***

Câu 1: Thu thập thông tin về 3 trận bão lớn xảy ra ở các tỉnh vùng biển Việt Nam (thời gian, các tỉnh thành bị ảnh hưởng, thiệt hại tổn thất).

Câu 2: Ở Việt Nam vùng miền nào là nơi hứng chịu nặng nề nhất các thiên tai vùng biển? Chúng ta làm gì cùng để chia sẻ những nỗi mất mát đó?

**Bài 25. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN TỰ NHIÊN VIỆT NAM**

***NỘI DUNG BÀI HỌC :***

Lịch sử phát triển của tự nhiên Việt Nam chia thành ba giai đoạn chính:

1. **Giai đoạn tiền Cambri**

(tạo lập nền móng sơ khai của lãnh thổ)

- Cách ngày nay khoảng 542 triệu năm. Đại bộ phận lãnh thổ nước ta còn là biển.

- Phần đất liền là những mảng nền cổ: Vòm sông Chảy, Hoàng Liên Sơn, Sông Mã, Kon Tum...

- Các loài sinh vật còn rất ít và đơn giản. Khí quyển rất ít oxi.

**2. Giai đoạn cổ kiến tạo (phát triển, mở rộng và ổn định lãnh thổ)**

- Cách ngày nay khoảng 65 triệu năm.

- Có nhiều vận động tạo núi lớn làm thay đổi hình thể nước ta so với trước. Phần lớn lãnh thổ nước ta đã trở thành đất liền.

- Một số dãy núi hình thành do các vận động tạo núi.

- Xuất hiện các khối núi đá vôi và các bể than đá lớn tập trung ở miền Bắc và rải rác ở một số nơi.

- Sinh vật phát triển mạnh mẽ.

- Cuối giai đoạn này, địa hình nước ta bị ngoại lực bào mòn, hạ thấp.

**3.** **Giai đoạn tân kiến tạo** (tạo nên diện mạo hiện tại của lãnh thổ và còn đang tiếp diễn).

- Địa hình được nâng cao (dãy Hoàng Liên Sơn với đỉnh Phan-xi-păng).

- Hình thành các cao nguyên badan (ở Tây Nguyên). Các đồng bằng phù sa (đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long), các bể dầu khí ở thềm lục địa.

- Sinh vật phát triển phong phú và hoàn thiện.

- Xuất hiện loài người trên Trái Đất.

**BÀI TẬP:**

Câu 1: Lịch sử Việt Nam chia thành những giai đoạn chính nào? Giai đoạn nào kéo dài nhất?

Câu 2.a. Giai đoạn nào tạo lập nền móng sơ khai của lãnh thổ?

b.Giai đoạn nào phát triển, mở rộng và ổn định lãnh thổ?

c. Giai đoạn nào nâng cao địa hình, hoàn thiện giới sinh vật và còn đang tiếp diễn đến ngày nay?

Câu 3: Điềnvào chỗ chấm:

1. Mối quan hệ giữa địa chất và địa hình:

- Các vùng nền cổ là những nơi …………………………

- Nơi nền cổ bị nứt vỡ mạnh là ……………………………….

- Nơi bị sụt võng sâu là ………………………………………..

2. Mối quan hệ giữa đá và địa hình:

- Đá rắn chắc tạo nên ………………………………………

- Đá trầm tích mềm tạo nên ………………………………………….

- Đá trầm tích bở rời (phù sa) tạo nên…………………………………..

3. Mối quan hệ giữa địa chất và khoáng sản:

- Do lịch sử địa chất phức tạp 🡪 hình thành nhiều………….. 🡪 ………….. phong phú, nhiều kiểu loại.

Câu 4: Vùng núi và đồng bằng cái nào xuất hiện trước?

**Bài 26. ĐẶC ĐIỂM TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

***NỘI DUNG BÀI HỌC:***

**1. Việt nam là nước giàu tài nguyên khoáng sản:**

- Khoáng sản nước ta phong phú về loại hình, đa dạng về chủng loại nhưng phần lớn có trữ lượng vừa và nhỏ.

Một số khoáng sản có trữ lượng lớn là sắt, than, thiếc, crôm, dầu mỏ, bôxit, đá vôi...

- Một số vùng mỏ chính của nước ta:

+ Vùng Đông Bắc với các mỏ sắt, titan (Thái Nguyên), than (Quảng Ninh).

+ Vùng Bắc Trung Bộ với các mỏ crôm (Thanh Hóa), thiếc, đá quý (Nghệ An), sắt (Hà Tĩnh).

1. **Sự hình thành các vùng mỏ chính ở nước ta (**Giảm tải**)**

**3. Vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên khoáng sản**

Khoáng sản là nguồn tài nguyên không thể phục hồi. Để sử dụng nguồn tài nguyên có hiệu quả cần thực hiện tốt Luật khoáng sản để khai thác hợp lí, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản quý giá của nước ta.

**BÀI TẬP:**

Câu 1: Vì sao lại khẳng định Việt Nam là nước giàu tài nguyên khoáng sản?

Câu 2: Dựa vào bản đồ địa chất – khoáng sản trong sách giáo khoa, lập bảng phân loại khoáng sản của nước ta và nơi phân bố.

Câu 3: Kể tên các loại khoáng sản có ở Bình Dương.

Câu 4: Tìm hiểu về các nguyên nhân làm khoáng sản nước ta có nguy cơ bị cạn kiệt, Luật khoáng sản và cách khai thác, sử dụng hợp lí, tiết kiệm và có hiệu quả khoáng sản.

**Bài 27. THỰC HÀNH: ĐỌC BẢN ĐỒ VIỆT NAM   
(Phần hành chính và khoáng sản)**

***NỘI DUNG BÀI HỌC:***

**1.** **Đọc bản đồ hành chính Việt Nam**

**a. Vị trí giới hạn tỉnh Bình Dương**

Bình Dương thuộc miền Đông Nam Bộ.

- Phía Bắc giáp tỉnh Lâm Bỉnh Phước.

- Phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh.

- Phía Đông giáp Đồng Nai.

- Phía Đông giáp Tp. Hồ Chí Minh.

**b. Vị trí giới hạn của lãnh thổ VN phần đất liền**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Điểm cực | Địa danh hành chính | Vĩ độ | Kinh độ |
| Bắc | Xã Lũng Cú – Đồng Văn- Hà Giang | 23023’B | 105020’B |
| Nam | Xã Đất Mũi – Ngọc Hiển – Cà Mau | 8034’B | 104040’B |
| Tây | Xã Sín Thầu – Mường Nhé – Điện Biên | 22022’B | 102009’B |
| Đông | Xã Vạn Thạnh – Vạn Ninh – Khánh Hòa | 12040’B | 109024’B |

**c. Lập bảng thống kê**

- VN có tất cả 29/64 tỉnh, thành phố giáp biển.

- 7 tỉnh giáp Trung Quốc : Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh.

-10 tỉnh giáp Lào: Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam và Kom Tum.

- 10 tỉnh giáp Cam-Pu-Chia: Kom Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Sa Đéc, An Giang, Kiên Giang.

**2. Đọc bản đồ khoáng sản Việt Nam**

Mỗi loại khoáng sản có quy luật phân bố riêng phù hợp với từng giai đoạn lịch sử hình thành.

Bảng phân bố 10 khoáng sản chính của Việt Nam:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Stt | Loại khoáng sản | Phân bố các mỏ chính |
| 1 | Than | Quảng Ninh, Bồng Miêu (Quảng Nam), Lào Cai, Thái Nguyên |
| 2 | Dầu mỏ | Bà Rịa - Vũng Tàu |
| 3 | Khí đốt | Thái Bình, Vũng Tàu |
| 4 | Bô xit | Tây Nguyên |
| 5 | Sắt | Thái Nguyên, Hà Tĩnh, Sơn La, Hà Giang, |
| 6 | Crôm | Thanh Hóa |
| 7 | Thiếc | Cao Bằng, Nghệ An |
| 8 | Titan | Hà Tĩnh, Thái Nguyên |
| 9 | Apatit | Lào Cai |
| 10 | Đá quý | Tây Nguyên, Thái Nguyên, Nghệ An, Yên Bái |

**BÀI TẬP**

1- Nước ta có những tỉnh nào vừa giáp biển, vừa giáp nước láng giềng

2- Những tỉnh nào của nước ta có ngã ba biên giới?

3- Trong những tỉnh ở ngã ba Biên giới, cho biết ngã ba biên giới nào thuận lợi hơn về giao thông? Tại sao?

1) Kể tên các tỉnh có tên là:

**\* Bình** (Mỗi loại 4 tỉnh)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Đứng thứ nhất | TT | Đứng thứ hai |
| 1  2  3  4 | Bình ……………  Bình …………….  Bình ………………..  Bình ……………….. | 1  2  3  4 | …………. Bình  ………….. Bình  ………….. Bình  ……………… Bình |

\* Tương tự các tỉnh có tên: Hà, Quảng, Bắc

**ÔN TẬP (kiểm tra 15 phút)**

***NỘI DUNG BÀI HỌC:***

Ôn tập các nội dung chính sau:

**I. Khu vực Đông Nam Á**

1. Dân cư, xã hội

2. Kinh tế các nước Đông Nam Á

3. Hiệp hội các nước Đông Nam Á

**II. Địa lí tự nhiên Việt Nam**

1. Việt Nam, đất nước con người

2. Vị trí, giới hạn, hình dạng lãnh thổ Việt Nam

3. Vùng biển Việt Nam

4. Lịch sử phát triển tự nhiên Việt Nam

5. Tài nguyên khoáng sản Việt Nam

6. Đặc điểm địa hình và các khu vực địa hình Việt Nam

***BÀI TẬP:***

**Câu 1:**

1. Nêu đặc điểm dân cư Đông Nam Á?

2. Dựa kiến thức đã học hoàn thiện bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Nội dung | Những nét tương đồng của các nước Đông Nam Á |
| Văn hóa |  |
| Sinh hoạt, sản xuất |  |
| Lịch sử |  |

**Câu 2:**

1. Phân tích bảng số liệu 16.1 và 16.2.

2. Làm bài tập 2 trang 57 SGK.

**Câu 3:**

1. Phân tích những khó khăn và lợi thế của Việt Nam khi gia nhập ASEAN.

2. Mục tiêu hợp tác của ESEAN đã thay đổi qua thời gian như thế nào?

3. Nhận xét bảng số liệu 17.1 trang 61.

**Câu 4:**

1. Làm bài tập 1 trang 80 SGK.

2. Chứng minh Việt Nam là một trong những quốc gia thể hiện đầy đủ đặc điểm thiên nhiên, văn hóa, lịch sử của khu vực Đông Nam Á?

**Câu 5:**

1. Việt Nam có tất cả bao nhiêu tỉnh, thành? Kể tên các thành phố trực thuộc trung ương của Việt Nam.

2. Vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ Việt Nam có những thuận lợi và khó khăn gì cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ta hiện nay?

3. Xác định trên bản đồ các điểm cực Bắc, Đông, Tây, Nam của Việt Nam.

**Câu 6:**

1. Biển đã đem lại những thuận lợi và khó khăn gì đối với kinh tế và đời sống nhân dân ta?

2. Trình bày lịch sử phát triển tự nhiên nước ta.

3. Kể tên các loại khoáng sản có trữ lượng lớn ở Việt Nam.

**Câu 7:**

1. Nêu đặc điểm chung của địa hình Việt Nam.

2. Địa hình nước ta chia làm mấy khu vực? Kể tên các khu vực đó.

3. So sánh sự khác nhau giữa địa hình vùng Đông Bắc và Tây Bắc; giữa đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.

**Bài 28. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH VIỆT NAM**

***NỘI DUNG BÀI HỌC:***

**1.Đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam**

- Địa hình đa dạng, đồi núi là bộ phận quan trọng nhất, chủ yếu là đồi núi thấp.

- Đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam vì:

*+ Đồi núi chiếm ¾ lãnh thổ đất liền và là dạng phổ biến nhất. Ngay ở đồng bằng châu thổ ta cũng có thể bắt gặp các đồi núi sót nhô lên cao trên mặt đồng bằng (núi Đồ Sơn, Con Voi, Tam Điệp, Sầm Sơn, Bà Đen, Bảy Núi)*

*+ Đồi núi ảnh hưởng nhiều tới cảnh quan chung: sự xuất hiện các đai cao tự nhiên theo địa hình*

*+ Đồi núi ảnh hưởng lớn tới phát triển kinh tế - xã hội. Vùng đồi núi có những thế mạnh về kinh tế, khai thác khoáng sản, xây dựng hồ thủy điện, trồng cây công nghiệp dài ngày, chăn nuôi gia súc lớn, phát triển du lịch sinh thái,…*)

**2. Địa hình nước ta được Tân kiến tạo nâng lên và tạo thành nhiều bậc kế tiếp nhau**

- Địa hình phân thành nhiều bậc kế tiếp nhau.

- Hướng nghiêng của địa hình là hướng tây bắc – đông bắc.

- Hai hướng chủ yếu của địa hình là tây bắc – đông nam và vòng cung.

**3. Địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa và chịu tác động mạnh của con người**

- Địa hình mang tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm.

- Hoạt động khai phá của con người góp phần làm cho địa hình nhiều nơi biến đổi mạnh.

***BÀI TẬP:***

Câu 1: Đồi núi ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động kinh tế nước ta (Thuận lợi, khó khăn).

Câu 2: Cho biết các hoạt động nào của con người góp phần làm thay đổi bộ mặt địa hình ngày nay?

Câu 3: Theo em, bảo vệ rừng có những lợi ích gì?

*Câu 4:* Giải thích sự hình thành các dạng địa hình ở nước ta: Địa hình Cac-xtơ, địa hình đồng bằng phù sa mới, địa hình cao nguyên ba dan, địa hình đê sông, đê biển, hồ chứa.

**Bài 29. ĐẶC ĐIỂM CÁC KHU VỰC ĐỊA HÌNH**

***NỘI DUNG BÀI HỌC :***

**1. Khu vực đồi núi**

- Vùng núi Đông Bắc: là vùng đồi núi thấp, nằm ở tả ngạn sông Hồng, nổi bật với các dãy núi hình cánh cung. Địa hình caxtơ khá phổ biến, tạo nên nhiều cảnh quan đẹp và hùng vĩ.

- Vùng núi Tây Bắc: nằm giữa sông Hồng và sông Cả, hùng vĩ, đồ sộ nhất nước ta, kéo dài theo hướng tây bắc – đông nam.

- Vùng núi Trường Sơn Bắc từ sông Cả tới dãy núi Bạch Mã. Là vùng núi thấp, có 2 sườn không đối xứng, có nhiều nhánh đâm ra biển.

- Vùng núi và cao nguyên Trường Sơn Nam là vùng đồi núi, cao nguyên hùng vĩ, lớp đất đỏ badan phủ trên các cao nguyên rộng lớn.

**2. Khu vực đồng bằng**

- Đồng bằng châu thổ hạ lưu các sông lớn: đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng.

+ Đồng bằng sông Hồng: có diện tích 15000 km2, cao trung bình 3 – 7m so với mực nước biển, được xây dựng hệ thống đê ngăn lũ, không được bồi đắp tự nhiên nữa.

+ Đồng bằng sông Cửu Long:

diện tích 40000 km2, cao trung bình 2 – 3m so với mực nước biển, không có đê ngăn lũ, nhiều vùng ngập úng sâu vào mùa lũ.

- Các đồng bằng duyên hải Trung Bộ: diện tích 15000 km2, hẹp ngang, ít màu mỡ, lớn nhất là đb Thanh Hóa.

**3. Địa hình bờ biển và thềm lục địa**

- Bờ biển: dài trên 3260km (từ Móng Cái đến Hà Tiên); có hai dạng chính là bờ biển bồi tụ (vùng đồng bằng) và bờ biển mài mòn (chân núi, hải đảo từ Đà Nẵng đến Vũng Tàu); giá trị: nuôi trồng thủy sản, xây dựng cảng biển, du lịch, giao thông vận tải biển..

- Thềm lục địa: rộng lớn, mở rộng ở vùng biển Bắc Bộ và miền Nam, có nhiều dầu mỏ.

***Bảng so sánh các vùng đồi núi nước ta***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Vùng đồi núi | Vị trí | Đặc điểm |
| Vùng núi Đông Bắc | Tả ngạn sông Hồng, từ dãy núi Con Voi đến vùng đồi núi ven biển Quảng Ninh | - Độ cao thấp.  - Cao nhất vùng là Tây Côn Lĩnh 2419m.  - Hướng núi: dạng vòng cung. Các cánh cung núi lớn mở rộng về phía Đông Bắc, quy tụ ở Tam Đảo. Có 4 cánh cung lớn: Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn và Đông Triều.  - Địa hình caxtơ phổ biến.  - Cảnh đẹp nổi tiếng: Ba Bể, vịnh Hạ Long. |
| Vùng núi Tây Bắc | Giữa sông Hồng và sông Cả | - Là vùng núi cao và đồ sộ nhất nước ta.  - Cao nhất vùng là Phan-xi-păng 3143m.  - Hướng núi: tây bắc – đông nam  - Các dải núi chính:  +Hoàng Liên Sơn  + Các sơn nguyên đá vôi dọc sông Đà  + Các dải núi doc biên giới Việt Lào: Pu Đen Đinh, Pu Sam Sao, sông Mã.  - Địa hình caxtơ phổ biến.  - Cảnh đẹp nổi tiếng: Sa Pa, Lai Châu,… |
| Vùng núi Trường Sơn Bắc | Từ phía Nam sông Cả tới dãy núi Bạch Mã | - Độ cao thấp.  - Có 2 sườn Đông và Tây, không đối xứng. Sườn Đông hẹp và dốc, có nhiều nhánh núi nằm ngang. |
| Vùng núi Trường Sơn Nam | Nằm ở phía tây khu vực Nam Trung Bộ | - Là vùng đồi núi và cao nguyên hùng vĩ.  - Địa hình nổi bật là các cao nguyên badan rộng lớn xếp tầng với những độ cao khác nhau như cao nguyên Kon Tum, Plây Ku, Đăk Lăk, Di Linh, Lâm Viên, Mơ Nông.  - Cao nhất vùng là Ngọc Linh 2598m. |

***Bảng so sánh 2 loại đồng bằng chính của nước ta.***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **ĐB sông Hồng** | **ĐB sông Cửu Long** |
| Vị trí | - Nằm ở hạ lưu sông Hồng | - Nằm ở hạ lưu sông Cửu Long |
| Diện tích | - 15.000km2 | - 40.000km2 |
| Đặc điểm địa hình | - Cao trung bình 3 – 7m, dọc 2 bên bờ sông có hệ thống đê điều chống lũ vững chắc, dài > 2.700km.  - Các cánh đồng trở thành các ô trũng thấp, không được bồi đắp phù sa thường xuyên.  - Ảnh hưởng của thủy triều ít hơn.  - Ít kênh rạch. | - Cao trung bình 2 🡪 3m so với mực nước biển, không có hệ thống đê ngăn lũ.  - Ảnh hưởng của thủy triều rất lớn và mùa lũ một phần lớn diện tích bị ngập nước.  - Nhiều kênh rạch. |

***BÀI TẬP:***

Câu 1: Đèo Hải Vân nằm giữa 2 tỉnh, thành nào?

Câu 2: Đèo Ngang nằm giữa 2 tỉnh, thành nào?

Câu 3: Đèo Cả nằm giữa 2 tỉnh, thành nào?

Câu 4: Liệt kê tất cả các đèo ở Việt Nam (cho biết vị trí của nó).

**Bài 30. THỰC HÀNH  
 ĐỌC BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH VIỆT NAM**

***NỘI DUNG BÀI HỌC:***

Nội dung thực hành:

+ Xác định vị trí lát cắt và hướng cắt trên bản đồ tự nhiên Việt Nam ngang vĩ tuyến 220B (từ Tây 🡪 Đông.)

+ Xác định vị trí lát cắt và hướng cắt dọc kinh tuyến 1080Đ (từ Bắc 🡪Nam)

+ Xác định dọc quốc lộ 1A từ Lạng Sơn 🡪 Cà Mau.

**Câu 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Các dãy núi** | **Các dòng sông** |
| Pu Đen Đinh | Đà |
| Hoàng Liên Sơn | Hồng |
| Con Voi | Chảy |
| Cánh cung Sông Gâm | Lô |
| Cánh cung Ngân Sơn | Gâm |
| Cánh cung Bắc Sơn | Cầu |
|  | Kì Cùng |

**Câu 2:** Đi dọc kinh tuyến 1080Đ từ núi Bạch Mã 🡪 bờ biển Phan Thiết ta phải đi qua:

**a) Các cao nguyên:**

- Kon Tum: Cao TB >1400m đỉnh cao nhất Ngọc Linh 2598m.

- Plây-ku: Cao TB >1000m tương đối bằng phẳng.

- Đắk-lắk: Cao TB <1000m. Vùng hồ Lắk thấp nhất ở độ cao 400m.

- Mơ-nông và Di Linh: Cao TB >1000m

**b) Nhận xét:**

- Ngoài phân hóa theo chiều Đông - Tây, địa hình còn có sự phân hóa theo chiều Bắc - Nam.

- Nham thạch chủ yếu là đá badan. Ngoài ra còn có đá Gra-nit và đá biến chất. Một phần nhỏ ven biển Phan Thiết là đá trầm tích.

- Do các cao nguyên ở Tây Nguyên có độ cao khác nhau nên được gọi là những cao nguyên xếp tầng.

**Câu 3:** Trên quốc lộ 1A từ Lạng Sơn 🡪 Cà Mau ta phải qua:

**a) Các đèo lớn:**

Sài Hồ (Lạng Sơn) 🡪 Tam Điệp (Ninh Bình) 🡪 Ngang (Hà Tĩnh – Quảng Bình) 🡪 Hải Vân (Thừa Thiên - Huế - Đà Nẵng) 🡪 Cù Mông (Bình Định – Phú Yên) 🡪 Cả (Phú Yên – Khánh Hòa).